



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	6
1.	Lịch sử thiên tai	6
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	8
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	9
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	11
5.	Hạ tầng công cộng	11
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)	16
7.	Nhà ở	16
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	17
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	17
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	18
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	18
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	19
13.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	20
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	21
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	21
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	23
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng	23
2.	Hạ tầng công cộng	26
3.	Công trình thủy lợi	28
4.	Nhà ở	29
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	31
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	32
7.	Giáo dục	33
8.	Rừng	35
9.	Trồng trọt	36

10. Chăn nuôi.....	39
11. Thủy Sản.....	42
12. Du lịch.....	43
13. Buôn bán và dịch vụ khác	44
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	46
15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH	46
16. Giới trong PCTT và BDKH	47
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	49
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	50
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH	50
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH.....	52
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	56
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	57
E. Phụ lục	58
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá	58
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	58
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	66
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	68
1. Khái niệm.....	68
2. Nội dung đánh giá	68

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Hàm Ninh là một xã đồng bằng, vùng giữa của huyện Quảng Ninh, cách huyện lỵ Quảng Ninh 5 km, có địa hình đồng bằng nửa bán sơn địa, diện tích tự nhiên 2068,66ha; trong đó có 1/2 diện tích là đồi núi, ao hồ mặt nước. Phía bắc giáp xã Vĩnh Ninh, phía đông bắc giáp xã Võ Ninh, phía đông nam giáp xã Duy Ninh, phía Tây nam giáp xã Hiền Ninh. phía tây giáp xã Trường Xuân.

2. Đặc điểm địa hình

Sông Nhật Lệ chia cắt địa bàn Hàm Ninh thành hai khu vực, phía đông là đồng bằng, phía tây là đồi núi.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

STT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24,5°C		Tăng 1,5°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39°C	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20°C	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1500-2000 mm	10-11	Tăng thêm khoảng 20-40 mm/đợt

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	

2	Xu hướng bão			X	Tăng
3	Xu hướng lũ			X	Tăng
4	Số ngày rét đậm		X		Tăng
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn				Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	2,64% diện tích – 21,151,68ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)			X	Tăng

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Thôn Trường Niên	380	101	1493	811	682	26	24
2	Thôn Quyết tiến	449	68	1713	920	793	30	35
3	Thôn Hàm Hòa	245	52	880	450	430	15	171
4	Thôn Trần xá	556	210	2252	1214	1038	42	32
5	Thôn Hà Kiên	159	17	560	215	345	10	13
	Cộng	1789	448	6898	3610	3288	123	275

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	2,010,71
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1,62,43
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	560,48
1.1.1	Đất lúa nước	422,54
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	134,85
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	3,09
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	957,73
1.2.1	Đất rừng sản xuất	957,73

1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	44,22
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	15
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	29,22
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	409,10
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	39,18
4	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	80%
	- Đất ở	60%
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”		

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
1	Trồng trọt	66	1073	1,2 (tấn/ha)	60
2	Chăn nuôi	10	598	10 (triệu VNĐ/năm)	60
3	Nuôi trồng thủy sản	5	91	65 (triệu VNĐ/năm)	30
4	Đánh bắt hải sản	1	81	12(triệu VNĐ/năm)	45
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	1	24	30 (triệu VNĐ/năm)	80
6	Buôn bán	10	163	40 (triệu VNĐ/năm)	90
7	Dịch vụ	1	7	30 (triệu VNĐ/năm)	100
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	6	110	30 (triệu VNĐ/năm)	20
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”					

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng
9/2017	Bão + Lũ	5	Trường Niên	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	0

			Quyết Tiến Hàm Hòa Trần Xá Hà Kiên	2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	1 nam	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	176	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	2	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	1	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0,3	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	40	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	7,5	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				12. Các thiệt hại khác...: + Cột điện gãy, đổ + dây điện đứt + Chợ hư hại	25 1,500 m 1	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3.858 (triệu VNĐ)	
10/2016	Lũ	5	Trường Niên Quyết Tiến Hàm Hòa Trần Xá Hà Kiên	1, Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	2 nam	
				2, Số người bị thương: (Nam/Nữ)	1 nữ	
				3. Số nhà bị thiệt hại: (ngập dưới 1m)	1070	
				4. Số trường học bị thiệt hại: (ngập dưới 1m)	3	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại: (ngập dưới 1m)	1	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	10	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	12	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				12. Các thiệt hại khác...: + Hoa màu bị thiệt hại + Lương thực bị ướt + Gia cầm bị chết + Kênh mương bị hư	30 ha 3 tấn 2.000 con 1,5 km	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	770 (triệu VNĐ)	

					VNĐ)
12/2012	Rét	2	Trần Xá Hà Kiên	8, Số ha ruộng bị thiệt hại:	20
				12, Các thiệt hại khác...: Trâu chết	7 con
9/2016	Lốc	2	Trần Xá Hà Kiên	2, Số người bị thương: (Nam/Nữ)	6 (3 nữ)
				3, Số nhà bị thiệt hại:	45
				12, Các thiệt hại khác...: Cột điện hư hại	6
6/2017	Mưa kéo dài	1	Trần Xá	12, Các thiệt hại khác...: Dừa hâu bị hư hại	5 ha
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”					
Hướng dẫn điền					
- <i>Cột 1: Ghi tháng/năm, nếu không nhớ tháng chỉ cần ghi năm; Thống kê các đợt thiên tai chính xảy ra trong vòng 10 năm (vd: Tính từ năm 2008 đến 2018)</i>					

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thôn Trường Niên	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Quyết tiến	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hàm Hòa	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Trần xá	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hà Kiên	Trung bình	Tăng	Tăng
2	Lũ lụt	Thôn Trường Niên	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Quyết tiến	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hàm Hòa	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Trần xá	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hà Kiên	Trung bình	Tăng	Tăng
3	Hạn Hán	Thôn Trường Niên	Thấp	Tăng	Tăng

		Thôn Quyết tiến	Thấp	Tăng	Tăng
		Thôn Hàm Hòa	Thấp	Tăng	Tăng
		Thôn Trần xá	Thấp	Tăng	Tăng
		Thôn Hà Kiên	Thấp	Tăng	Tăng
4	Ngập lụt do nước dâng do bão	Thôn Trường Niên	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Quyết tiến	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hàm Hòa	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Trần xá	Trung bình	Tăng	Tăng
		Thôn Hà Kiên	Trung bình	Tăng	Tăng
5	Các dạng thiên tai khác	5 thôn	Trung bình	Tăng	Tăng
<i>Ghi chú khác</i> : Các loại thiên tai được quy định trong luật PCTT					
<i>Nhận xét:</i>					

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH

4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Thôn Trường Niên	47	108	92	174	7	13	22	35	58	1	3	17	21		
2	Thôn Quyết Tiến	90	150	290	456	11	80	161	26	57	1	4	18	30		
3	Thôn Hàm Hòa	20	45	45	105	5	20	60	30	50	3	3	18	32		
4	Thôn Trần xá	41	93	143	304	9	28	48	30	57	2	5	1	3		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Trường Niên	1992	Cột	92	
		Quyết Tiến	2005	Cột	150	50
		Hàm Hòa	2015	Cột	50	5
		Trần Xá	2014	Cột	120	
		Hà Kiên	2007	Cột	42	12
2	Dây điện	Trường Niên	1992	Km	5	
		Quyết Tiến	2005	Km	4	1
		Hàm Hòa	2015	Km	2,5	
		Trần Xá	2014	Km	4,1	
		Hà Kiên	2007	Km	3	2
3	Trạm điện	Trường Niên	1992	Trạm	1	
		Quyết Tiến	2005	Trạm	2	

	Hàm Hòa	2015	Trạm	2	
	Trần Xá	2014	Trạm	2	
	Hà Kiên	2007	Trạm	1	

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền:

- Năm xây dựng: Ghi tính từ năm nào (vd, từ 1992)

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường	Thôn Trường Niên					
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã			Km		1.2	
	Đường thôn			Km		1	5
	Đường nội đồng			km			
	Cầu, Cống					Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát
	Cầu giao thông			cái			
	Cống giao thông			cái	5	2	1

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường	Thôn Quyết tiến					
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			

	Đường xã		Km		2000	2700
	Đường thôn		Km		3600	7000
	Đường nội đồng		km			
	Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông		cái			
	Cống giao thông		cái	15	30	30

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường	Thôn Hàm Hòa					
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã			Km	0	2000	1000
	Đường thôn			Km	0	2000	1600
	Đường nội đồng		2014	km	0	0	9000
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông		1983	cái	1		1
	Cống giao thông		cái	2		6	

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất

	Đường	Thôn Trần xá						
	Đường quốc lộ			Km				
	Đường tỉnh/huyện			Km		1.5		
	Đường xã			Km		2		
	Đường thôn			Km		4	0.3	
	Đường nội đồng			km			7	
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm	
	Cầu giao thông			cái				
	Cống giao thông			cái		22		

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường	Thôn Hà Kiên					
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã			Km			
	Đường thôn		2002	Km		2	1
	Đường nội đồng			km			
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái			
	Cống giao thông			cái			

c) Trường

TT	Trường	Thôn*	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non(3 cụm)						
	Cụm 1	Quyết Tiến	2014	6	3	3	
	Cụm 2	Trần xá	2017	5	5		
	Cụm	Hà Kiên	2008	1		1	
2	Trường Tiểu học	Quyết tiến	1998	32	32		
3	Trường THCS	Trần xá	2015	20	20		

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện*	0	0	0	0	0	0	
	Trạm y tế	Quyết Tiến	2008	7	15	10	5	0
	Cơ sở khám	0	0	0	0	0	0	

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

(*) Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Quyết Tiến	2005	1	Phòng	x		
2	Nhà văn hóa xã				Cái			
3	Nhà văn hóa thôn	5		5	Cái		x	

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	Trần Xá	2010	1	Cái		X	
2	Chợ tạm/chợ cóc	Quyết Tiến Trường Niên Hàm Hòa	2014	3	Cái			x

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	km		01	02	
2	Kè	Km	2014	3, 65	7, 02	5, 00
3	Kênh mương	Km	1990	2, 95	2.5	2, 637
4	Cống	Cái		2	27	28
5	Đập thủy lợi	Cái				
6	Trạm bơm	Cái	2000	1		

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Thôn Trường Niên	380	50	292	25	1
2	Thôn Quyết tiến	449	100	~200	40	10
3	Thôn Hàm Hòa	245	50	150	20	1
4	Thôn Trần xá	556	150	300	9	1

5	Thôn Hà Kiên	159	38	69	5	2
	Cộng	1789	388	1.011	99	15

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Thôn Trường Niên	380	130	0	0	0	250	370	10	0
2	Thôn Quyết tiến	449	191	78			180	434	15	0
3	Thôn Hàm Hòa	245	123	0	0	0	122	244	1	0
4	Thôn Trần xá	556		451	0		105	551	5	0
5	Thôn Hà Kiên	159	159					155	4	0
	Cộng	1789	603	529	0	0	657	1.754	35	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”
Hướng dẫn điền

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	0	0	0	0	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	325	0	0	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”
Hướng dẫn điền

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn	2005	Trường Niên	5	66,6 %	Cây bản	Nuôi trồng thủy sản	3
			Quyết Tiến	4	66,6%	Cây bản	Nuôi trồng thủy sản	3
			Trần Xá	3	66,6%	Cây bản	Nuôi trồng thủy sản	2
			Hà Kiên	3	66,6%	Cây bản	Nuôi trồng thủy sản	2
2	Rừng trên cát	0	0	0	0	0	0	0
3	Rừng tự nhiên	1997	Quyết Tiến	58	55,8%	Keo, trầm	Nuôi ong	
			Trần Xá	45	55,8%	Keo, trầm		
			Hà Kiên	67	55,8%	Keo, trầm	Nuôi ong	
4	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng		Trường Niên	7,5		Cây bản		
			Quyết Tiến	2		Cây bản		
			Trần Xá	1		Cây bản		
			Hà Kiên	1,5		Cây bản		
5	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng		0	0	0	0	0	0
6	Rừng khác		0	0	0	0	0	0
	Tổng							
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi "0"; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
1	Trồng trọt						

	a. Lúa	Ha	373.4	1073	59.9%	Tiềm năng	30%
	b. Hoa màu (chủ yếu dưa hấu và Ngô)	Ha	41	280	60%	Tiềm năng	50%
	c. Cây lâu năm	Ha	12	13	50%		20%
	d. Cây hàng năm	Ha	15	612	50%		15%
	e. Cây ăn quả	Ha	10.5	625	50%		10%
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	464	278	50%		35%
	b. Gia cầm	Con	10575	320	70%		45%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ	0	0	0		
	b. Tàu thuyền gần bờ (đánh bắt trên sông)	Thuyền	81	81	25		10%
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0		
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0		
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	49.15	82	42.6		35%
	c. Lồng bè	Cái	9	9	50		60%
5	Du lịch		0	0	0		
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0		
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	7	7	50		5%
6	Buôn bán và dịch vụ khác	Hộ	297	297	60%		15%

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

(*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.

(**) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai thường xuyên xảy ra với lĩnh vực này

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	DVT	Số lượng	Địa bàn
----	-----------	-----	----------	---------

				Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	90	5
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	90	5
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	65	5
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	90	5
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	241	5
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”				
Hướng dẫn điền <i>Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...)</i>				

13. Phòng chống thiên tai/TU^{BĐKH}

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Mầm non Tiểu học THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	4	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	15	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	02	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	15	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	11	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	2	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU ^{BĐKH} dựa vào cộng đồng	Người	3	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	1	

7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2	
	- Áo phao	Chiếc	50	
	- Loa cầm tay	Chiếc	6	
	- Đèn pin	Chiếc	5	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	0	
11	Khác....		0	
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”				
<i>Hướng dẫn điền</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Lĩnh vực/ ngành nghề khác	Thôn	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ/ người tham gia	Tỷ lệ nữ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Làm chổi đót	Hà Kiên	Hộ	20	20	70%	
Nuôi ong	Quyết Tiến	Hộ	1	1	0%	
	Hàm Hòa	Hộ	1	1	1%	
	Hà Kiên	Hộ	15	15	20%	

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Trường Niên	Thôn 2 Quyết Tiến	Thôn 3 Hàm Hòa	Thôn Trần Xá	Thôn Hà Kiên	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)

1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng						
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trạm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	100 % công trình	100 % công trình	100% công trình	100% công trình	100% công trình	Cao
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	90 % hộ dân	90 % hộ dân	90 % hộ dân	80 % hộ dân	80 % hộ dân	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	95%	95%	95%	95%	95%	
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	<ul style="list-style-type: none"> - Có 380 hộ, 1.493 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 393 đối tượng dễ bị tổn thương - 101 phụ nữ làm chủ hộ - 40 người có nhà ở ven sông - 65% người không biết bơi - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 40% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 50 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, <p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>60% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p>	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
	Quyết Tiến	449	<ul style="list-style-type: none"> - Có 449 hộ, 1.713 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 869 đối tượng dễ bị tổn thương - 68 phụ nữ làm chủ hộ - 90 người có nhà ở ven sông - 65% người không biết bơi - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 45 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, <p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p>	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
	Hàm Hòa	245	<ul style="list-style-type: none"> - Có 245 hộ, 880 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 300 đối tượng dễ bị tổn thương 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 28 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, 	Nguy cơ thiệt	Trung

			<ul style="list-style-type: none"> - 52 phụ nữ làm chủ hộ - 30 người có nhà ở ven sông - 65% người không biết bơi - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p>	hại về người	bình
	Trần Xá	556	<ul style="list-style-type: none"> - Có 556 hộ, 2.252 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 519 đối tượng dễ bị tổn thương - 210 phụ nữ làm chủ hộ - 200 người có nhà ở ven sông - 65% người không biết bơi - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 51 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, <p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p>	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
	Hà Kiên	159	<ul style="list-style-type: none"> - Có 90 hộ, 315 người ở trong vùng ven sông, thường ngập lụt. Trong đó: - Có 92 đối tượng dễ bị tổn thương - 17 phụ nữ làm chủ hộ - 65% người không biết bơi - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi <p>- Thôn ở bên kia sông tách biệt với xã, muốn đi qua xã phải đi bằng thuyền qua sông, hằng ngày có 50 em học sinh đi học, 100 lượt phụ nữ đi chợ, hàng chục người qua sông làm công việc khác(phí qua sông học sinh 15.000đ/tháng, người dân 3.000/lượt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn những người qua sông bằng thuyền đều 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, <p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>Có 1 thuyền máy lớn hàng ngày đưa người qua sông, trên thuyền có trang bị áo phao, phao cứu sinh</p>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người</p> <p>Thiệt hại về người qua sông</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

			<p>chưa có thói quen mặc áo phao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p> <p>40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p>		
Bão	Trường Niên	380	<ul style="list-style-type: none"> - Có 380 hộ, 1.493 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 393 đối tượng dễ bị tổn thương - 101 phụ nữ làm chủ hộ - 1081 người ở trong 318 nhà không an toàn trong bão <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - 50 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Thiệt hại về người	Trung bình
	Quyết Tiến	449	<ul style="list-style-type: none"> - Có 449 hộ, 1.713 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 869 đối tượng dễ bị tổn thương - 68 phụ nữ làm chủ hộ - 950 người ở trong 250 nhà không an toàn trong bão <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - 100 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Thiệt hại về người	Trung bình
	Hàm Hòa	245	<ul style="list-style-type: none"> - Có 245 hộ, 880 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 300 đối tượng dễ bị tổn thương - 52 phụ nữ làm chủ hộ - 598 người ở trong 171 nhà không an toàn trong bão <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp 	<ul style="list-style-type: none"> - 50 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Thiệt hại về người	Trung bình

		thời			
Trần Xá	556	- Có 556 hộ, 2.252 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 519 đối tượng dễ bị tổn thương - 210 phụ nữ làm chủ hộ - 1.240 người ở trong 310 ngôi nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời	- 150 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán	Thiệt hại về người	Trung bình
Hà Kiên	159	- Có 159 hộ, 560 người ở trong vùng tác động của bão Trong đó: - Có 192 đối tượng dễ bị tổn thương - 17 phụ nữ làm chủ hộ - 266 người ở trong 76 ngôi nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 60% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời	- 38 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn, - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 40% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán	Thiệt hại về người	Trung bình

Ghi chú khác:

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột 3
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐBKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ **bảo vệ sinh mạng của dân** mà cộng đồng đã có **đối với loại hình thiên tai cụ thể**
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với **dân cư và cộng đồng** của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro **đối với dân cư** Cao, Trung bình hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

2. Hạ tầng cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐBKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	------------------------------------------------------------	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Thôn ...		- VD: 3-4km/17km đường nội thôn chưa bê tông hóa	- VD: 12-13km/17km đường nội thôn đã bê tông hóa	- VD: Hư hỏng đường giao thông nội thôn	- VD: Trung bình
Lục	Trường Niên	380	- 5 km đường thôn là đường đất - 1 cống giao thông tạm - 2 cống giao thông yếu	- 1 km đường thôn, 1,2 km đường xã đã bê tông hóa - 5 cống giao thông kiên cố	Đường hư hỏng Cống hư	Trung bình Trung bình
	Quyết Tiến	449	- 7 km đường thôn, 2,7 km đường xã là đường đất - 30 cống giao thông tạm - 30 cống giao thông yếu	- 3,6 km đường thôn, 2 km đường xã đã bê tông hóa - 15 cống giao thông kiên cố	Đường hư hỏng Đường nội đồng hư Cống hư	Trung bình Trung bình Trung bình
	Hàm Hòa	245	- 1,6 km đường thôn, 1 km đường xã là đường đất - 9 km đường nội đồng là đường đất - 1 cầu, 6 cống giao thông tạm	- 2 km đường thôn, 2 km đường xã đã bê tông hóa - 1 cầu, 2 cống giao thông kiên cố	Đường hư hỏng Đường nội đồng hư Cầu giao thông hư Cống giao thông hư	Trung bình Trung bình Trung bình
	Trần Xá	556	- 0,3 km đường thôn là đường đất - 7 km đường nội đồng là đường đất - 22 cống giao thông tạm	- 1,5 km đường tỉnh/huyện, 4 km đường thôn, 2 km đường xã đã bê tông hóa - 15 cống giao thông kiên cố	Đường hư hỏng Đường nội đồng hư Cống hư	Trung bình Trung bình Trung bình
	Hà Kiên	159	- 1 km đường thôn là đường đất	- 2 km đường thôn đã bê tông hóa	Đường hư hỏng	Trung bình
	Bão	Trường Niên	380	5 km dây điện Nhà văn hóa thiếu kiên cố	92 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư
Quyết Tiến		449	5 cột điện chưa kiên cố 6 km dây điện, trong đó 1 km dây điện chưa kiên cố Nhà văn hóa thiếu kiên cố	150 cột điện kiên cố 2 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Cao Trung bình Cao
Hàm Hòa		245	5 cột điện chưa kiên	50 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Trung bình

		cố 2,5 km dây điện, Nhà văn hóa bán kiên cố	2 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Trung bình Trung bình
Trần Xá	556	4,1 km dây điện, Nhà văn hóa thiếu kiên cố	120 cột điện kiên cố 2 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Thấp Trung bình Cao
Hà Kiên	159	12 cột điện chưa kiên cố 5 km dây điện, trong đó 2 km dây điện chưa kiên cố Nhà văn hóa bán kiên cố	42 cột điện kiên cố 1 trạm điện kiên cố Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý	Cột điện gãy Dây điện đứt Nhà văn hóa hư	Cao Trung bình Trung bình

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5**), Sơ họ bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các loại cơ sở hạ tầng mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với cơ sở hạ tầng công cộng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với cơ sở hạ tầng công cộng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	2,5 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố	2,5 km kênh mương kiên cố 1 km đê, 3 km kè kiên cố 1 trạm bơm kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	Quyết Tiến	449	0,5 km kè chưa kiên cố 0,7 km kè bán kiên	2,9 km kênh mương thủy lợi kiên cố 0,3 km kè kiên cố	Kè hư hỏng	Trung bình

		cố	2 cống thủy lợi kiên cố		
Hàm Hòa	245	2,6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố 8 cống thủy lợi chưa 2 cống thủy lợi bán kiên cố 2 trạm bơm bán kiên cố 2 trạm bơm chưa an toàn		Kênh mương thủy lợi hư hỏng Cống thủy lợi hư Trạm bơm hư	Trung bình Trung bình Trung bình
Trần Xá	556	1,2 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố 2 km đê, 2 km kè bán kiên cố 20 cống thủy lợi chưa kiên cố 25 cống thủy lợi bán kiên cố		Kênh mương thủy lợi hư hỏng Đê, kè hư hỏng Cống thủy lợi hư	Trung bình thấp Trung bình

Ghi chú khác *Bão không gây thiệt hại cho công trình thủy lợi*

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B6), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	380 hộ đều có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 10 nhà ở ven sông + 1 nhà đơn sơ + 4 nhà thiếu kiên cố + 50% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	50 nhà kiên cố 292 nhà bán kiên cố 50% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Quyết Tiến	449	449 hộ đều có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 20 nhà ở ven sông + 10 nhà đơn sơ + 40 nhà thiếu kiên cố + 50% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	100 nhà kiên cố 200 nhà bán kiên cố 50% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp

	Hàm Hòa	245	380 hộ đều có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 8 nhà ở ven sông + 1 nhà đơn sơ + 20 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	50 nhà kiên cố 150 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Trần Xá	556	556 hộ đều có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 60 nhà ở ven sông + 1 nhà đơn sơ + 9 nhà thiếu kiên cố + 3% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	150 nhà kiên cố 300 nhà bán kiên cố 97% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Hà Kiên	159	90 hộ có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 90 nhà ở ven sông + 2 nhà đơn sơ + 5 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	18 nhà kiên cố 30 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
Bão và lốc	Trường Niên	380	380 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 1 nhà đơn sơ + 4 nhà thiếu kiên cố + 292 nhà bán kiên cố + 30% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	50 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 70% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tóc mái	Thấp Cao
	Quyết Tiến	449	449 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 10 nhà đơn sơ + 40 nhà thiếu kiên cố + 200 nhà bán kiên cố + 50% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	100 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 50% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tóc mái	Thấp Cao
	Hàm Hòa	245	245 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 1 nhà đơn sơ + 20 nhà thiếu kiên cố + 150 nhà bán kiên cố + 20% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	50 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 80% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tóc mái	Thấp Cao
	Trần Xá	556	556 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 1 nhà đơn sơ + 9 nhà thiếu kiên cố + 300 nhà bán kiên cố + 10% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	150 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tóc mái	Thấp Cao
	Hà Kiên	159	159 hộ đều ở trong vùng	38 nhà kiên cố		

			tác động của bão, trong đó + 2 nhà đơn sơ + 5 nhà thiếu kiên cố + 69 nhà bán kiên cố + 10% hộ chưa chủ động chăng chống nhà khi có bão động bão	Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 90% hộ chủ động chăng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Cao
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------	-----------------

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B7), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các Nhà ở mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với nhà ở của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với nhà ở dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Trường Niên	380	- 10 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào - 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	130 hộ dùng nước giếng 250 hộ dùng nước chưa ở bể chứa 360 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác 90% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Trung bình Thấp
Bão và lụt	Quyết Tiến	449	- 15 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào - 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	191 hộ dùng nước giếng 78 hộ dùng nước máy 180 hộ dùng nước chưa ở bể chứa 434 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường sau thiên tai 90% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Trung bình Thấp
	Hàm Hòa	245	1 hộ dùng nhà vệ sinh tạm Nhiều hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Do vùng thấp gần	123 hộ dùng nước giếng 122 hộ dùng nước chưa ở bể chứa 244 hộ có hố xí hợp vệ sinh	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Trung bình Thấp

			cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	Thôn có 1 tổ thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường sau thiên tai 90% người dân có ý thức bảo vệ môi trường		
Trần Xá	556	- 5 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào - 20% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	451 hộ dùng nước máy 105 hộ dùng nước chưa ở bể chứa 551 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường sau thiên tai 90% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xây ra dịch bệnh	Trung bình Thấp	
Hà Kiên	159	- 4 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào - 20% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	159 hộ dùng nước giếng 155 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường sau thiên tai 90% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xây ra dịch bệnh	Trung bình Thấp	

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B8), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Lụt	Quyết Tiến	449	<ul style="list-style-type: none"> - trạm y tế ở trong vùng ngập lụt - Thiếu các phương tiện phòng cháy, chữa cháy - Không có thuyền để đi lại trong khi có lụt - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh chứ không khám định kỳ - 10% người dân chưa có ý thức về phòng ngừa bệnh tật 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế có một dãy nhà cao 2 tầng có 10 phòng kiên cố - Trạm có 2 bác sỹ (2 nữ) và 3 nhân viên y tế (3 nữ) đã qua đào tạo chính quy - Thôn có một cán bộ y tế thôn - Trạm làm tổ chức năng quản lý dịch bệnh - Có kế hoạch và nhân lực, phương tiện để phòng, chống thiên tai - 90% người dân có ý thức về phòng ngừa bệnh tật 	Phòng hư hại	Thấp
	Các thôn Trường Niên, Hàm Hoà, Trần Xá, Hà Kiên		<ul style="list-style-type: none"> - Khi có lụt đến trạm xá khó khăn do thiếu phương tiện - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh chứ không khám định kỳ - 10% người dân chưa có ý thức về phòng ngừa bệnh tật 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm có 2 bác sỹ (2 nữ) và 3 nhân viên y tế (3 nữ) đã qua đào tạo chính quy - Mỗi thôn có một cán bộ y tế thôn - 90% người dân có ý thức về phòng ngừa bệnh tật 	Nguy cơ dịch bệnh	Thấp
Bão	Quyết Tiến	449	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế có 5 phòng bán kiên cố xây từ năm 2008, 2 phòng xuống cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế có một dãy nhà cao 2 tầng có 10 phòng kiên cố 	Phòng hư hại	Trung bình

....

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5d, B9**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Lụt	Quyết Tiến	449	Các điểm trường ở trong vùng ngập lụt 3 phòng học trường Mầm non bán kiên cố	3 phòng học trường Mầm non, 32 phòng học trường Tiểu học kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại	Thấp Thấp
	Trần Xá	556	Các điểm trường ở trong vùng ngập lụt	5 phòng học trường Mầm non, 20 phòng học trường Tiểu học kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại	Thấp Thấp
	Hà Kiên	380	- 50 học sinh hằng ngày phải đi học bằng thuyền qua sông (do thôn ở bên kia sông tách biệt với các thôn khác trong xã) mỗi tháng các em phải trả tiền qua sông 15,000đ/em. - Các em vẫn còn chủ quan nhiều lúc chưa mặc áo phao khi qua sông - Khi có lũ trên sông, thuyền không chạy được, các em không qua sông để đi học được	Xã có bố trí thuyền lớn hằng ngày đưa các em qua sông, trên thuyền có trang bị áo phao, phao cứu sinh	Thiệt hại về người Học sinh nghỉ học dài ngày, ảnh hưởng đến chất lượng học tập	Trung bình Cao
Bão	Quyết Tiến		Các điểm trường ở trong vùng tác động của bão 3 phòng học trường Mầm non bán kiên cố	3 phòng học trường Mầm non, 32 phòng học trường Tiểu học kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại	Trung bình
	Hà Kiên		Các điểm trường ở trong vùng tác động của bão 1 phòng học trường Mầm non bán kiên cố Điểm trường lẻ xa trường chính	Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại	Trung bình
	Trần Xá		Các điểm trường ở trong vùng tác động của bão	5 phòng học trường Mầm non, 20 phòng học trường THCS kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại	Thấp
Ghi chú khác						

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5c**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực giáo dục của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y giáo dục dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Trường Niên	380	5 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông Thiếu cây giống để trồng	Đã phát triển thành rừng Được người dân bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
	Quyết Tiến	449	4 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông Thiếu cây giống để trồng	Đã phát triển thành rừng Được người dân bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
	Trần Xá	556	3 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông Thiếu cây giống để trồng	Đã phát triển thành rừng Được người dân bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
	Hà Kiên	159	3 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông Thiếu cây giống để trồng	Đã phát triển thành rừng Được người dân bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
Bão	Trường Niên	380	5ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông	Đã phát triển thành rừng Được người dân bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
	Quyết Tiến	449	58 ha rừng cây trồng keo, trầm	Đã phát triển thành rừng Được người dân chăm sóc bảo vệ	Cây rừng trồng gãy, đổ	Cao
			4 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông		Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp
	Hàm Hòa	245	0	0	0	0
Trần Xá	556	45 ha rừng cây trồng keo, trầm	Đã phát triển thành rừng	Cây rừng trồng gãy, đổ	Cao	
		3 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông	Được người dân chăm sóc bảo vệ	Cây rừng ngập mặn gãy, đổ	Thấp	

Hà Kiên	159	67 ha rừng cây trồng keo, trầm 3 ha rừng ngập mặn trồng bản ven sông	Đã phát triển thành rừng Được người dân chăm sóc bảo vệ	Cây rừng trồng gậy, đò Cây rừng ngập mặn gậy, đò	Cao Thấp
---------	-----	-------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------	-----------------

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B10**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với rừng và quản lý rừng cộng đồng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	-96 ha đất trồng lúa ở vùng trũng, thường bị ngập úng Không có đê bao, không có trạm bơm tiêu úng - 6 ha đất trồng dưa hấu ở vùng ngập - 4 ha đất trồng ngô ở vùng ngập - 4 ha đất trồng rau màu ở vùng hay bị ngập - Không có HTX chỉ đạo sản xuất - 30% người dân chưa có kiến thức KHKT về sản xuất	Có 700 lao động có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 400 lao động là phụ nữ Có 6 máy cày, 2 máy gặt 70% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nam và nữ ngang nhau 50%, nam làm những công việc nặng hơn	Lúa hư hại Dưa hư hại Ngô hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình Trung bình Trung bình
	Quyết Tiến	449	-91 ha đất trồng lúa ở vùng trũng, thường bị ngập úng Không có đê bao, không có trạm bơm tiêu úng - 8 ha đất trồng dưa hấu ở vùng ngập - 8 ha đất trồng ngô ở vùng ngập - 8 ha đất trồng rau màu ở vùng hay bị ngập - Không có HTX chỉ đạo	Có 600 lao động có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 350 lao động là phụ nữ Có 6 máy cày, 2 máy gặt 80% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nam và nữ ngang	Lúa hư hại Dưa hư hại Ngô hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình Trung bình Trung bình

		<p>sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kiến thức KHKT 	<p>nhau 50%, Nam làm những công việc nặng hơn</p>		
Hàm Hòa	245	<ul style="list-style-type: none"> -97 ha đất trồng lúa ở vùng trũng, thường bị ngập úng Không có đê bao, không có trạm bơm tiêu úng - 8 ha đất trồng dưa hấu ở vùng ngập - 1 ha đất trồng rau màu ở vùng hay bị ngập - Không có HTX chỉ đạo sản xuất - 30% người dân chưa áp dụng KHKT vào sản xuất 	<p>Có 300 lao động có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 160 lao động là phụ nữ</p> <p>Có 10 máy cày, 2 máy gặt</p> <p>70% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt</p> <p>Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nam và nữ ngang nhau 50%, nam làm những công việc nặng hơn</p>	<p>Lúa hư hại</p> <p>Dưa hư hại</p> <p>Ngô hư hại</p> <p>Hoa màu hư hại</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
Trần Xá	556	<ul style="list-style-type: none"> -92 ha đất trồng lúa ở vùng trũng, thường bị ngập úng Không có đê bao, không có trạm bơm tiêu úng - 5 ha đất trồng dưa hấu ở vùng ngập - 8 ha đất trồng ngô ở vùng ngập - 10 ha đất trồng rau màu ở vùng hay bị ngập - Không có HTX chỉ đạo sản xuất - 60% người dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>Có 720 lao động có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 390 lao động là phụ nữ</p> <p>Có 8 máy cày, 2 máy gặt</p> <p>80% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt</p> <p>Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nam và nữ ngang nhau 50%, nam làm những công việc nặng hơn</p>	<p>Lúa hư hại</p> <p>Dưa hư hại</p> <p>Ngô hư hại</p> <p>Hoa màu hư hại</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
Hà Kiên	159	<ul style="list-style-type: none"> -2,5 ha đất trồng lúa ở vùng trũng, thường bị ngập úng Không có đê bao, không có trạm bơm tiêu úng - 0,5 ha đất trồng ngô ở vùng ngập - 0,5 ha đất trồng rau màu ở vùng hay bị ngập - Không có HTX chỉ đạo sản xuất - 60% người dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>Có 20 lao động có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 10 lao động là phụ nữ</p> <p>40% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt</p> <p>Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nam và nữ ngang nhau 50%, nam làm những công việc nặng hơn</p>	<p>Lúa hư hại</p> <p>Dưa hư hại</p> <p>Ngô hư hại</p> <p>Hoa màu hư hại</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
Mưa thay đổi (mưa nhiều)	Trưởng Niên	380	<ul style="list-style-type: none"> - 6 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều - 4 ha đất trồng ngô ở vùng thường bị tác động 	<p>Dưa hư hại</p> <p>Ngô hư hại</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

			do mưa nhiều			
	Quyết Tiến	449	- 8 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều - 8 ha đất trồng ngô ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều		Dưa hấu hư hại Ngô hư hại	Trung bình Trung bình
	Hàm Hòa	245	- 8 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều		Dưa hấu hư hại	Trung bình
	Trần Xá	556	- 5 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều - 8 ha đất trồng ngô ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều		Dưa hấu hư hại Ngô hư hại	Trung bình Trung bình
	Hà Kiên	159	0,5 ha đất trồng ngô ở vùng thường bị tác động do mưa nhiều		Ngô hư hại	Trung bình
Hạn	Trường Niên	380	30 ha đất trồng lúa ở vùng thiếu nước 2,5 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thiếu nước 4 ha đất trồng ngô ở vùng thiếu nước 4 ha đất trồng hoa mùa ở vùng thiếu nước	Có 1 máy bơm tưới Có 2,5 km kênh mương thủy lợi - Hồ Rào Đá của huyện cung cấp đủ nước tưới, chống hạn cho 2 xã Hàm Ninh, Duy Ninh	Lúa giảm năng suất Dưa hấu hư hại Ngô hư hại Hoa màu hư hại	Thấp Thấp Thấp Thấp
	Quyết Tiến	449	0	0	0	0
	Hàm Hòa	245	4 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thiếu nước	Có 2 máy bơm tưới Có 3,3 km kênh mương thủy lợi - Hồ Rào Đá của huyện cung cấp đủ nước tưới, chống hạn cho 2 xã Hàm Ninh, Duy Ninh	Dưa hấu hư hại	Thấp
	Trần Xá	556	0	0	0	0
	Hà Kiên	159	2,5 ha đất trồng lúa ở vùng thiếu nước 0,5 ha đất trồng ngô ở vùng thiếu nước 0,5 ha đất trồng hoa mùa ở vùng thiếu nước	- Hồ Rào Đá của huyện cung cấp đủ nước tưới, chống hạn cho 2 xã Hàm Ninh, Duy Ninh	Lúa giảm năng suất Ngô hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Thấp Thấp
Rét	Trường Niên	380	86 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của rét	30% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa hư hại	Cao

	Quyết Tiến	449	91 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của rét	80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa hư hại	Cao
	Hàm Hòa	245	97 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của rét	30% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa hư hại	Cao
	Trần Xá	556	92 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của rét	90% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa hư hại	Cao
	Hà Kiên	159	2,5 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của rét	90% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa hư hại	Cao
Sạt lở bờ sông	Trường Niên	380	12 ha đất dọc bờ sông hãm, khó trồng cây ngập mặn	Xã có quy hoạch, phát triển rừng ngập mặn ven sông để bảo vệ	Mất đất sản xuất	Trung bình

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	55 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 72 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 2,300 con gia cầm nuôi trong vùng lũ, 90% nuôi thả rong Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 70% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình	100% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại và có nơi để sơ tán trâu bò khi có lụt 3 hộ có chuồng cao vượt lũ 30 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng Có 1 trang trại chăn nuôi	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Thấp Trung bình Trung bình

	Quyết Tiến	449	65 con trâu bò nuôi trong vùng lụt, 100% đàn trâu bò không có điểm cao để trú ẩn trong lụt 300 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 2,700 con gia cầm nuôi trong vùng lũ, 80% nuôi thả rong Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 70% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình	30% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 50 hộ nuôi lợn có chuồng cao 50 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Cao Trung bình Trung bình
	Hàm Hòa	245	63 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 100% đàn trâu bò không có điểm cao để trú ẩn trong lụt 30 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 2,200 con gia cầm nuôi trong vùng lũ, 97% nuôi thả rong Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 70% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình	30% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 2 hộ nuôi lợn có chuồng cao vượt lũ 2 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng 2 trang trại chăn nuôi	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Cao Trung bình Trung bình
	Trần Xá	556	42 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 100% đàn trâu bò không có điểm cao để trú ẩn trong lụt 500 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 2,600 con gia cầm nuôi trong vùng lũ, 60% nuôi thả rong Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 70% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình	30% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 10 hộ nuôi lợn có chuồng cao vượt lũ 100 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Cao Trung bình Trung bình
	Hà Kiên	159	45 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 100 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 1,600 con gia cầm nuôi trong vùng lũ, 70% nuôi thả rong Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 70% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình	100% hộ chăn nuôi trâu bò an toàn Thôn có rừng cao để sơ tán trâu bò khi có lụt 50% hộ nuôi ở vùng cao 50 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Thấp Trung bình Trung bình
Bão	Trường Niên	380	2,300 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 90% nuôi thả rong	30 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng Có 1 trang trại chăn	Gia cầm chết	Trung bình

				nuôi		
	Quyết Tiến	449	2,700 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 80% nuôi thả rong	50 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	Hàm Hòa	245	2,200 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 97% nuôi thả rong	2 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng Có 2 trang trại chăn nuôi	Gia cầm chết	Trung bình
	Trần Xá	556	2,600 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 70% nuôi thả rong	100 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	Hà Kiên	159	1,600 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 70% nuôi thả rong	50 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
Rét	Trường Niên	380	55 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	50% có chuồng trại kín 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Quyết Tiến	449	65 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	50% có chuồng trại kín 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Hàm Hòa	245	63 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	50% có chuồng trại kín 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Trần Xá	556	42 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	50% có chuồng trại kín 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	Hà Kiên	159	45 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	50% có chuồng trại kín 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
.....	Thôn....					
Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ						
Hướng dẫn điền - Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)						

- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B11), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	Có 9 ha nuôi tôm nước lợ dọc sông Có 3 ha nuôi cá nước ngọt dọc sông	- Các hồ nuôi tôm sau rừng ngập mặn, được các chủ nuôi đầu tư máy sục Oxy - các hồ nuôi cá có mặt đê cao - Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Tôm trôi/ chết Cá trôi/chết	Trung bình Trung bình
	Quyết Tiến	449	Có 8 thuyền đánh cá nhỏ đánh bắt cá trên sông, có 16 người đánh bắt (8 nữ)	Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước 100% người đánh cá biết bơi	Thiệt hại về người Thuyền hư hại	Thấp Thấp
	Hàm Hòa	245	Có 19 ha nuôi tôm nước lợ dọc sông Có 20 ha nuôi cá nước ngọt dọc sông Có 2 lồng nuôi cá trên sông	- Các chủ nuôi đầu tư máy sục Oxy - Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Tôm trôi/ chết Cá trôi/chết Lồng cá trôi	Trung bình Trung bình Thấp
	Trần Xá	556	Có 3,5 ha nuôi tôm nước lợ dọc sông Có 2 ha nuôi cá nước ngọt dọc sông Có 2 lồng nuôi cá trên sông	- Các hồ nuôi tôm sau rừng ngập mặn, được các chủ nuôi đầu tư máy sục Oxy - các hồ nuôi cá có mặt đê cao - Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Tôm trôi/ chết Cá trôi/chết Lồng cá trôi	Trung bình Trung bình Thấp
	Hà Kiên	159	Có 2 ha nuôi cá nước ngọt dọc sông Có 5 lồng nuôi cá trên sông	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Cá trôi/chết Lồng cá trôi	Trung bình Thấp
	Thôn....				

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

12. Du lịch

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trường Niên	380	2 quán ăn ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
	Quyết Tiến	449	2 quán ăn ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
	Hàm Hòa	245	1 quán ăn ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
	Trần Xá	556	3 quán ăn ở trong vùng ngập lụt, 2 nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
	Bão	Trường Niên	380	2 quán ăn ở trong vùng tác động của bão, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý vừa là nhà ở	Hư hỏng quán
Quyết Tiến		449	2 quán ăn ở trong vùng tác động của bão, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
Hàm Hòa		245	1 quán ăn ở trong vùng tác động của bão, nhà bán kiên cố	Quán do tư nhân quản lý vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp
Trần Xá		556	3 quán ăn ở trong vùng tác động của bão, 2 nhà bán kiên cố	1 quán kiên cố Quán do tư nhân quản lý vừa là nhà ở	Hư hỏng quán	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Du lịch mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Du lịch của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Du lịch dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Trường Niên	380	Có 1 chợ tam, nhỏ trong thôn 18 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 5 cơ sở mộc ở vùng ngập lụt 5 cơ sở xay xát ở trong vùng ngập	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại đồ mộc Hư hại máy móc	Cao Thấp Thấp Thấp
	Quyết Tiến	449	Có 1 chợ tạm, nhỏ trong thôn 14 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 7 cơ sở mộc ở vùng ngập lụt 6 cơ sở xay xát ở trong vùng ngập	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại đồ mộc Hư hại máy móc	Cao Thấp Thấp Thấp
	Hàm Hòa	245	1 chợ tạm trong thôn 10 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 6 cơ sở xay xát ở trong vùng ngập	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc	Cao Thấp Thấp
	Trần Xá	556	Chợ xã bán kiên cố 25 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, 21 nhà bán kiên cố 5 cơ sở mộc ở vùng ngập lụt 6 cơ sở xay xát ở trong vùng ngập 3 cơ sở may mặc ở trong vùng ngập	Chợ kinh doanh nhiều mặt hàng, hằng ngày có nhiều người đến mua bán 4 nhà kiên cố Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại đồ mộc Hư hại máy móc	Trung bình Thấp Thấp Thấp

	Hà Kiên	159	3 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, 1 nhà bán kiên cố	1 nhà kiên cố, 1 nhà cao tầng Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Hàng hóa ướt/ hư hại	Thấp
Bão	Trường Niên	380	18 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, nhà bán kiên cố 5 cơ sở mộc 5 cơ sở xây xát	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	Quyết Tiến	449	14 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, nhà bán kiên cố 7 cơ sở mộc 6 cơ sở xây xát	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	Hàm Hòa	245	10 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, nhà bán kiên cố 6 cơ sở xây xát	Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	Trần Xá	556	25 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 21 nhà bán kiên cố 5 cơ sở mộc 6 cơ sở xây xát 3 cơ sở may mặc	4 nhà kiên cố Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
.....	Hà Kiên	159	3 nhà kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 1 nhà bán kiên cố	1 nhà kiên cố, 1 nhà cao tầng Quán do tư nhân quản lý, vừa là nhà ở	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại	Thấp Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	5 thôn		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại - Các thôn chưa có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện không phát tin được - Thông tin từ thôn tới người dân còn chậm 10% hộ gia đình còn chưa có các phương tiện nghe nhìn 5% người dân ở xa các cụm loa đôi lúc chưa nghe được các thông tin cảnh báo từ thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh của thôn phủ gần khắp địa bàn - Mỗi thôn có một loa cầm tay còn sử dụng tốt thôn, 95% người dân nghe được các thông tin, cảnh báo từ thôn - 90% hộ gia đình có các phương tiện nghe nhìn, tiếp cận được các thông tin cảnh báo từ thông tin đại chúng - 90% hộ gia đình có sử dụng điện thoại - 241 hộ có sử dụng Internet. 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống truyền thanh hư hại Không đảm bảo thông tin, liên lạc, cảnh báo 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B12), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	5 thôn		<ul style="list-style-type: none"> - BCH PCTT& TKCN xã tỷ lệ nữ tham gia còn ít (2/15) - Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, 	<ul style="list-style-type: none"> - BCH PCTT& TKCN xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn, hằng năm đều xây dựng và triển khai kế hoạch PCTT. - Đa số thành viên BCH đều đã được tập huấn nâng cao kiến thức về 	<ul style="list-style-type: none"> Chưa phát huy được vai trò của phụ nữ trong PCTT - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình

			<p>phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân</p> <p>Thành viên các đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH</p> <p>- 40% người dân còn chủ quan coi thường , chưa chủ động trong việc phòng chống thiên tai</p>	<p>phòng, chống thiên tai</p> <p>Xã trong những năm qua đã tổ chức diễn tập 4 đợt</p> <p>- Các thôn có các Ban PCTT thôn, các thành viên nhiệt tình, có kinh nghiệm.</p> <p>60% người dân chủ động trong công tác phòng chống thiên tai</p>	<p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p> <p>-</p>	<p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
....	Thôn ...					
	Thôn....					

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BDKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Trường Niên	380	- 101 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, nữ lo việc gia đình;	- 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 85% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết	Hư hại nhà cửa Ảnh hưởng đến tính mạng	Trung bình Thấp

			<p>tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ phải làm việc gia đình nhiều hơn, cũng cùng với nam giới chằng chống, kê kích tài sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 75 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10% 	<p>bơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	Bất bình đẳng giới	Trung bình
....	Quyết Tiến	449	<ul style="list-style-type: none"> - 68 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, nữ lo việc gia đình - 15% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 75 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10% 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 85% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
	Hàm Hòa	245	<ul style="list-style-type: none"> - 52 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, nữ lo việc gia đình - 15% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 75 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10% 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 85% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
	Trần Xá		<ul style="list-style-type: none"> - 210 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, nữ lo việc gia đình - 15% phụ nữ chưa có các 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 85% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết bơi 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p>

			kiến thức về phòng chống thiên tai - 75 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10%	- Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau.	Bất bình đẳng giới	Trung bình
	Hà Kiên	159	- 17 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, nữ lo việc gia đình - 75 % phụ nữ chưa biết bơi Hằng ngày có 100 lượt phụ nữ qua sông bằng thuyền để đi chợ mua sắm - 15% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10%	- 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 25% phụ nữ biết bơi Có thuyền máy lớn, trên thuyền có trang bị áo phao, phao cứu sinh - 85% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau.	Hư hại nhà cửa Ảnh hưởng đến tính mạng Tai nạn khi qua sông Bất bình đẳng giới	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình

....

556

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
 Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
 Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Hà Kiên		hộ làm chổi đót	100% các hộ tư nhân có kinh nghiệm trong việc sản xuất, bảo	Chối hư	Thấp

				quản dụng cụ sản xuất và thành phẩm		
Bão và Lụt	Quyết Tiến		1 hộ nuôi ong	Hộ tư nhân có kinh nghiệm trong việc nuôi, bảo vệ đàn ong trong bão, lụt	Ong chết Hư hại dụng cụ nuôi	Thấp Thấp
	Hàm Hòa		1 hộ nuôi ong	Hộ tư nhân có kinh nghiệm trong việc nuôi, bảo vệ đàn ong trong bão, lụt	Ong chết Hư hại dụng cụ nuôi	Thấp Thấp
	Hà Kiên		15 hộ nuôi ong	100% hộ tư nhân nuôi ong có kinh nghiệm trong việc nuôi, bảo vệ đàn ong trong bão, lụt	Ong chết Hư hại dụng cụ nuôi	Thấp Thấp

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B14**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực khác mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực khác của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTĐBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Nhà sập, tóc mái	Nhà tạm, nhà thiếu kiên cố	<ul style="list-style-type: none"> Nhà làm đã nhiều năm Thiếu vốn để xây nhà Không chằng chống Ý thức người dân chủ quan Thiếu nhân lực, vật lực 	<ul style="list-style-type: none"> Xây nhà kiên cố Chằng chống nhà cửa Nâng cao nhận thức bảo vệ nhà cửa Vay vốn ngân hàng để xây nhà an toàn Hỗ trợ nguồn lực, chú ý các đối tượng khó khăn, phụ nữ là chủ hộ
2	Lúa hè thu bị hư hại/ chết	Ruộng lúa ở trong vùng trũng, thường bị ngập úng	<ul style="list-style-type: none"> Chưa có hệ thống đê bao Mương máng, cống tiêu úng xuống cấp Chưa có hệ thống máy bơm tiêu Sử dụng giống lúa dài ngày 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng hệ thống đê bao Tu sửa mương máng, tu sửa cống Xây dựng hệ thống máy bơm tiêu úng Chuyển đổi giống ngắn ngày, phù hợp thời tiết.
3	Lúa Đông	- Lúa gieo gặp rét	- Giống lúa không chịu được rét	- Thay đổi giống chịu

	Xuân bị rét chết/ giảm năng suất		<ul style="list-style-type: none"> - Giồng dài ngày - Thiếu kỹ thuật chăm bón 	<ul style="list-style-type: none"> được rét, ngắn ngày - Xây dựng lịch thời vụ phù hợp với thay đổi của thời tiết, khí hậu - Tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân, chú ý đến nâng cao kiến thức KHKT cho phụ nữ
4	Ô nhiễm môi trường	Do ở vùng trũng, ở bên sông	<ul style="list-style-type: none"> Do nước lụt làm trôi rác và xác súc vật tấp vào Một số gia đình còn xả rác và chất thải chăn nuôi ra môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức vệ sinh, xử lý môi trường sau lũ lụt Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường
5	Đường giao thông hư hại	Đường đất ở vùng ngập lụt	<ul style="list-style-type: none"> -Thiếu tổ chức tu bổ hàng năm -Thiếu nguồn vốn để bê tông hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm tăng cường tu sửa - Kêu gọi nguồn lực đầu tư để bê tông hoá
6	Hoa màu hư hại	- Vùng bị ngập dài ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có đề bao, hệ thống tiêu úng kém hiệu quả. - Hệ thống tưới, tiêu chưa hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống đề bao - Nâng cấp hệ thống kênh mương, xây dựng hệ thống tưới tiêu - Xây dựng lịch thời vụ phù hợp - Chuyển đổi một số diện tích sang cây trồng khác.
7	Gà, vịt bị chết	Gà vịt nuôi trong vùng trũng, thấp, ngập lụt	<ul style="list-style-type: none"> - Tập quán nuôi thả rong, không nhốt chuồng - Chuồng trại thấp, thiếu kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi tập quán Nâng cấp chuồng trại, cao, vượt lũ giảm gánh nặng cho phụ nữ về chăn nuôi Nâng cao kiến thức KHKT về chăn nuôi cho người dân, phụ nữ và nam giới
8	Dưa hấu hư/thối	Thời tiết thay đổi mưa nhiều, nước úng không thoát kịp	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát úng chưa hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Tu sửa nạo vét mương máng. - Chuyển đổi một số diện tích sang cây trồng khác.
9	Thiệt hại về người	<ul style="list-style-type: none"> Nhà ở không an toàn Nhà ở trong vùng thấp trũng 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ quan không sơ tán - Tổ chức sơ tán chưa tốt - Chằng chống nhà cửa trong lúc mưa bão bị ngã - Người dân không biết bơi nhiều nhất là phụ nữ với trẻ em - Thiếu phương tiện (đò, áo phao) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về sơ tán, bảo vệ an toàn tính mạng - Xây dựng kế hoạch sơ tán cụ thể - Tăng cường tập bơi lội cho phụ nữ và trẻ em trai và trẻ em gái - Tăng cường các trang thiết bị phòng chống thiên tai (đò, áo phao)
10	Gia súc chết	Chăn nuôi ở vùng thấp nước lụt ngập Địa bàn không có nơi cao	70% các hộ nuôi trâu bò đều có chuồng trại chưa kiên cố, kín gió	Nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi về bảo vệ

		để làm nơi trú ẩn cho trâu, bò khi có lụt	Các hộ chưa đắp các mô đất cao để tránh lụt cho trâu, bò Các hộ nuôi lợn chuồng thấp Người chăn nuôi vẫn còn chủ quan	già sức trước thiên tai, BĐKH Tu sửa, nâng cao chuồng trại Đắp ụ đất tránh lụt cho trâu bò Đưa trâu bò sơ tán lên vùng cao trước
11	Cá tôm chết/trôi	Cá tôm nuôi dọc sông, vùng đất thấp	Do nguồn nước bị ô nhiễm Do đê bao quanh hồ thấp Do người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức về chăn nuôi và PCTT	Xử lý môi trường Gia cố, tôn cao đê Chủ động kế hoạch nuôi trồng và thu hoạch PCTT
Yêu cầu bắt buộc:	Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã			
Lưu ý khác:				
Hướng dẫn điền:				

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ tính mạng và tài sản	Người dân 5 thôn	Tập huấn, tuyên truyền về bảo vệ sức khỏe, tính mạng, thích ứng với biến đổi khí hậu Có lớp riêng cho phụ nữ	X		Nhà nước và các tổ chức xã hội Hội phụ nữ
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái	Phụ nữ và trẻ em trai, trẻ em gái	Tập huấn về bơi lội cho phụ nữ và trẻ em		X	Các tổ chức, đoàn thể
	Nâng cao nhận thức về an toàn, bảo vệ tính mạng khi qua sông	Người dân, Phụ nữ và học sinh Thôn Hà Kiên	Tuyên truyền, vận động người dân, nhất là học sinh và phụ nữ khi qua sông bằng thuyền phải mang áo phao		X	
Hạ tầng công cộng	Nâng cấp đường giao	Người dân các thôn	Thường xuyên tu bổ, sửa sang đường giao	X		Nhân dân

	thông nông thôn		thông thôn			
	Bê tông hóa đường thôn	Người dân các thôn	Có kế hoạch kêu gọi đầu tư bê tông hóa đường thôn		X	Nhà nước và nhân dân
Công trình thủy lợi	- Tu sửa mương máng, tu sửa cống	Người trồng lúa các thôn	Nạo vét, tu sửa, nâng cấp hệ thống kênh mương, công thủy lợi hằng năm	X		Người dân
	Xây dựng trạm bơm tiêu úng	Người trồng lúa, hoa màu các thôn	Có kế hoạch kêu gọi đầu tư trạm bơm và hệ thống tiêu úng		X	Nhà nước
	Xây dựng hệ thống đê bao	Người trồng lúa, hoa màu các thôn	Có kế hoạch kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống đê bao		X	Nhà nước
Nhà ở	Nâng cao nhận thức về nhà an toàn và bảo vệ nhà cho người dân	Người dân các thôn	Truyền truyền, tập huấn về nhà an toàn và bảo vệ chằng chống nhà cửa phòng chống bão lụt	X		Các tổ chức, đoàn thể
	Gia cố, chằng chống, kiên cố hóa nhà của	Người dân các thôn	Chằng chống nhà cửa phòng chống bão	X		Người dân
		Các hộ gia đình khó khăn Phụ nữ làm chủ hộ	Hỗ trợ các gia đình khó khăn, phụ nữ làm chủ hộ chằng chống nhà cửa	X		Các tổ chức, đoàn thể
	Người dân có nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ	Vận động, hỗ trợ xây dựng nhà cho 93 nhà đơn sơ, thiếu kiên cố		X	Nhà nước, nhân dân, các đoàn thể vận động bên ngoài Dự án GCF	
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường	Người dân các thôn	Tuyên truyền về giữ gìn vệ sinh môi trường	X		Các tổ chức, đoàn thể
	Xây dựng hố xí hợp vệ sinh	Người dân các thôn	Vận động các hộ gia đình có hố xí tạm xây dựng hố xí hợp vệ sinh	X		Các tổ chức, đoàn thể
Y tế và quản lý dịch bệnh						
Giáo dục						
Rừng	Trồng rừng ngập mặn ven sông	Người dân Người nuôi trồng thủy sản các thôn	Trồng rừng bản bảo vệ 4km bờ sông sạt lở ở thôn Trường Niên	X		Người dân
			Trồng mới 12 ha rừng ngập mặn	X		Người dân

			ven sông theo quy hoạch			
Trồng trọt	Xây dựng lịch thời vụ hợp lý	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu thời tiết, xây dựng lịch thời vụ luân lách, né tránh tác động bất lợi của thời tiết khí hậu,	X		Nhà nước
	Thay đổi giống, cây trồng thích hợp với thời tiết, khí hậu; các hiện tượng thời tiết cực đoan	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu, lựa chọn giống, cây trồng thích nghi với các điều kiện thay đổi của thời tiết để giao, trồng Trước mắt chuyển đổi các giống lúa đang sử dụng hiện nay sang giống lúa 855 và 281		X	Nhà nước Nhà nước và nhân dân
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số vùng đất không thích hợp, thường bị tác động bất lợi của thiên tai, khí hậu sang trồng loại cây khác thích hợp hơn + Chuyển đổi 15ha đất trồng lúa ở thôn Trần Xá sang trồng dưa hấu		X	Nhà nước và nhân dân Nhà nước và nhân dân
	Nâng cao kiến thức KHKT về trồng trọt	Người trồng lúa các thôn Phụ nữ	Tập huấn kiến thức KHKT về trồng trọt cho người dân, phụ nữ	X		Các tổ chức, đoàn thể
Chăn nuôi	Thay đổi tập quán chăn nuôi	Người chăn nuôi	Tuyên truyền, vận động người chăn nuôi chuyển hình thức nuôi thả rong sang nuôi nhốt chuồng Thành lập các gia, trang trại chăn nuôi		X	Nhà nước, các đoàn thể, người dân
	Nâng cấp chuồng trại	Người chăn nuôi phụ nữ	Gia cố, nâng cấp chuồng trại cao ráo, an toàn Xây dựng chuồng, trại vượt lũ	X		Người dân
	Nâng cao kiến thức KHKT về chăn nuôi	Người chăn nuôi phụ nữ và nam giới	Tập huấn KHKT về chăn nuôi cho cả phụ nữ và nam giới	X		Các ngành, đoàn thể

Thủy sản	Xử lý môi trường	Người nuôi trồng thủy sản	Trồng rừng ngập mặn ven sông (lọc nước) ngoài hồ nuôi	X		Người dân
			Vệ sinh môi trường quanh hồ nuôi Đầu tư máy sục khí, lọc nước	X		Người dân
	Nâng cấp đê bao quanh hồ	Người nuôi trồng thủy sản	Đắp đê cao quanh hồ	X		Người dân
	Chủ động trong việc nuôi trồng, bảo vệ thủy sản trước thiên tai	Người nuôi trồng thủy sản	Xây dựng lịch nuôi thủy sản phù hợp với thời tiết, khí hậu Chủ động thu hoạch thủy sản trước bão lụt	X X		Người dân Người dân
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đảm bảo thông tin, truyền thông	Người dân	Tu sửa, nâng cấp hệ thống truyền thanh các thôn Mua sắm máy phát điện dự phòng ở các thôn để khi mất điện có thể thông tin cảnh báo được	X		Nhà nước
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cao năng lực cho BCH PCTT và TKCN xã, thôn	BCH PCTT&TKCN xã, thôn	Tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực về công tác phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH cho cán bộ BCH PCTT&TKCN xã, các thôn	X		Nhà nước
	Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	Lực lượng cứu hộ xã, thôn, người dân các thôn	Củng cố các đội xung kích cứu hộ các thôn Tập huấn kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	X X		Các thôn Các tổ chức, đoàn thể
	Nâng cao năng lực ứng phó cho B PCTT, lực lượng cứu hộ thôn	Ban PCTT thôn, lực lượng cứu hộ	Hỗ trợ phương tiện, trang bị phòng chống thiên tai cho các thôn và đội cứu hộ	X		Nhà nước Các tổ chức
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Nâng cao kiến thức và nhận thức về giới cho cán bộ và người dân	Người dân cả nam và nữ	Tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới cho cả nam và nữ	X		Nhà nước Các tổ chức

Phát huy vai trò của phụ nữ trong BCH PCTT & TKCN các cấp	Phụ nữ	Bổ sung phụ nữ vào BCH PCTT & TKCN xã (hiện chỉ có 2 người), thôn	X		Nhà nước
Phát huy vai trò giới trong công tác phòng chống thiên tai	Nữ giới	Tăng cường sự tham gia và vai trò của nữ giới trong quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng	X		Nhà nước Các tổ chức
Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em nữ	Phụ nữ và trẻ em nữ	Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em nữ		X	Nhà nước Các tổ chức và sự hỗ trợ bên ngoài Gia đình
Nâng cao nhận thức về bảo vệ tính mạng khi qua sông bằng thuyền	Phụ nữ và trẻ em gái thôn Hà Kiên	Tuyên truyền để phụ nữ và trẻ em gái khi qua sông đến trường hay đi chợ bằng thuyền phải mang áo phao	X		Hội Phụ nữ Nhà trường
Cung cấp kiến thức KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ và nam giới	Phụ nữ trồng trọt và chăn nuôi	Tập huấn chuyển giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ và nam giới Nam giới tham gia chăn nuôi, giảm công việc cho phụ nữ	X		Các ngành, tổ chức, đoàn thể Người dân
Hỗ trợ cho gia đình các phụ nữ khó khăn trong bảo vệ nhà và sơ tán	Phụ nữ khó khăn, chủ gia đình	Các tổ chức, lực lượng trợ giúp các gia đình phụ nữ đơn thân, khó khăn trong việc vắng chồng nhà, tổ chức sơ tán	X		Các tổ chức, đoàn thể

Lưu ý khác

Hướng dẫn điền:

- (*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng
- (**) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm
- (***) Bắt buộc phải đưa vào phân tích
- (****) Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

Tình hình thiên tai, thời tiết cực đoan ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến đời sống và hoạt động kinh tế xã hội của địa phương, cần có nhiều hoạt động để nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

Năng lực phòng chống thiên tai của địa phương vẫn còn hạn chế, nhất là các phương tiện cho các thôn, năng lực về cứu hộ-sơ cấp cứu của lực lượng cứu hộ. Do đó cần hỗ trợ thêm phương tiện, dụng cụ cho các thôn, tập huấn về cứu hộ-sơ cấp cứu cho các đội cứu hộ thôn, xã.

Lớp tập huấn của Dự án rất thiết thực giúp cho các ban ngành, người dân có thêm kiến thức về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, về giới, nhà an toàn. Cần có nhiều lớp tập huấn như thế này cho nhiều đối tượng khác trong xã và người dân.

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Lãnh đạo xã đánh giá cao khóa tập huấn, qua đó nâng cao năng lực cho cán bộ xã, nâng cao nhận thức cho người dân

Bản báo cáo đánh giá đã đầy đủ, chi tiết, nhất trí hoàn toàn không bổ sung gì thêm

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

STT	Họ và Tên	Giới tính		Đơn vị
		Nam	Nữ	
1	Lê Vũ Bảo	x		UBND xã Hàm Ninh
2	Nguyễn Minh Hiệu	x		UBND xã Hàm Ninh
3	Nguyễn Thị Minh Trâm		x	UBND xã Hàm Ninh
4	Trần Thị Tiểu Phương		x	UBND xã Hàm Ninh
5	Nguyễn Thị Tiệp		x	UBND xã Hàm Ninh
6	Nguyễn Văn Phương	x		UBND xã Hàm Ninh
7	Trần Thị Thanh		x	UBND xã Hàm Ninh
8	Hà Xuân Hưng	x		UBND xã Hàm Ninh
9	Hà Thị Thanh Tuyền		x	UBND xã Hàm Ninh
10	Trương Đình Soái	x		UBND xã Hàm Ninh
	TỔNG	5	5	

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

LỊCH SỬ THIÊN TAI XÃ HÀM NINH

Tháng/năm	Thiên tai	Đặc điểm; xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại	Tại sao bị thiệt hại?	Đã làm gì để PCTT
Tháng 9/2010	Lũ lớn	Lũ lớn	Toàn xã	- Trâu: 3 con bị cuốn trôi (Trần Xá) - Diện tích nuôi tôm: trôi 8 ha (Trần Xá, Hà Kiên) - Đường giao thông: xói lở 1 km (Hà Kiên)	- Trâu thả tự do - lũ lên nhanh, đê thấp, - Đường đất, chưa có rãnh thoát nước	- Thông báo sớm đến người dân phòng chống, - gia cố đường giao thông nông thôn, làm rãnh thoát nước - Di tản trâu bò khi lũ đến
10/2011	lũ	Lũ lớn, lên nhanh	Toàn xã	- Gia cầm: chết 1.500 con, - Gia súc: 20 con lợn - Cây ăn quả: 2,5ha	- Chuồng trại chưa đảm bảo, nền chuồng thấp - Nước ngập lâu ngày	- Gia cố nền chuồng cao lên - Xây dựng hệ thống thoát nước
Tháng 12/2012	Rét đậm	Kéo dài	Toàn xã	- Trâu: chết 7 con (Trần Xá: 4; Hà Kiên: 3) - Lúa chết 20 ha (Trần Xá)	- Chuồng trại chưa đảm bảo, thiếu thức ăn - Lúa mới gieo, rét kéo dài	- Nâng cấp chuồng trại, dự trữ thức ăn trong mùa đông - Bố trí lịch thời vụ, sử dụng các loại giống phù hợp thời tiết
Tháng 10/2013	Bão số 10	Mạnh cấp 11-12	Toàn xã	- Nhà tốc mái 50 hộ (Trần xá, Hà Kiên) - Nhà sập: 3 cái (Trần Xá) - Thiệt hại cây ăn quả (Trần Xá, Hà Kiên) - Gia cầm: 1.200 con - Thóc giống: 2 tấn - Cột điện: gãy, đổ 12 cột - Sạt lở kênh mương: 1,5 km (Trần Xá) - Thủy sản bị cuốn trôi: 8ha (Trần Xá, Hà Kiên)	- Nhà bán kiên cố, không chằng chống - Nhà yếu - Bão mạnh cây gãy đổ - Nhà tốc mái - Cột điện tạm - Kênh chưa kiên cố - Vỡ đê tôm bị	- Xây nhà kiên cố - Chằng chống nhà khi có bão - Dụng cụ đựng thóc đảm bảo - Thay cột điện chắc chắn - gia cố kênh mương - Nâng cấp đê bao nuôi trồng thủy sản

Tháng/năm	Thiên tai	Đặc điểm; xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại	Tại sao bị thiệt hại?	Đã làm gì để PCTT
					trôi	
9/2016	Lốc xoáy	Mạnh	Trần Xá, Hà Kiên	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thương 6 người (Trần Xá 3, Hà Kiên 3) trong đó 3 người là nữ - Nhà tốc mái: 45 nhà (Trần Xá: 39; Hà Kiên 6) - Cột điện: gãy 6 cột (Trần Xá) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà không có nơi trú ẩn, chưa kiên cố 	
Tháng 10/2016	Lụt, kèm theo mưa nhiều	Nước lên nhanh và lụt lớn, lũ kép Mưa lớn hơn	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Chết 1 người (nam, thôn Trương Niên) - Gia cầm: trên 6.000.000 con gà, vịt/5 thôn - Hoa màu bị thiệt hại 15ha (Quyết Tiến, Trương Niên, Hàm Hòa) (rau màu, cây ăn quả ...) - Dưa hấu: thiệt hại 30 ha (Quyết Tiến, Trương Niên, Hàm Hòa) - Lúa hè thu: không thuận khi trở bông, giảm năng suất 40% 	<ul style="list-style-type: none"> - Do không biết bơi, chủ quan không tránh về nơi an toàn sớm - Chuồng trại chưa chắc chắn - Do chuồng trại thiếu kiên cố, nước lên nhanh, chủ quan nên gây thiệt hại - Cây dưa không thích hợp với trời mưa, không chịu được nước úng - Cây lúa không đủ ánh sáng để phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập ban PCLB - Thông báo thông tin cảnh báo lũ lụt - Dùng thuyền đưa dân đi sơ tán (Quyết Tiến: 1; Hàm Hòa: 2; Trương Niên: 2), mỗi thuyền chở được 3 người. - Có kế hoạch gieo trồng phù hợp hơn (tránh mưa, lụt) - Chuyển đổi cây trồng
6/2017	Mưa lớn	Kéo dài	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa màu: Dưa hấu ngập 5ha (Trần Xá) - Nhà tốc mái: 300 cái - Gia cầm: 600 con - Gia súc: 24 con - Thóc giống: ướt 500 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngập nước lâu ngày - Nhà chưa kiên cố - chuồng trại chưa chắc chắn - Dụng cụ bảo quản đơn giản, chưa đảm bảo 	
Tháng	Bão	Bão to (cấp 10,	Toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thương 3 người (2 nữ, 1 nam: Hàm 	<ul style="list-style-type: none"> - Do bão to, không đi sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo bão đến người dân

Tháng/năm	Thiên tai	Đặc điểm; xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại	Tại sao bị thiệt hại?	Đã làm gì để PCTT
10/2017	(số 10)	11, giạt trên cấp 12)	xã	Hòa: 1 nữ; Trường niên: 1 nữ; Quyết Tiến: 1 nam)	đến nơi an toàn sớm, nhà bị tốc mái gây thương tích 3 người	- Đưa người dân đi sơ tán đến các nhà an toàn - Có đội phòng chống lụt bão di dời dân
Tháng 6/2018	Nhiệt độ tăng 40°C	Nắng to, nhiệt độ trên 40°C	Quyết Tiến, Trường Niên, Hàm Hòa	- Sức khỏe người dân bị ảnh hưởng - cây trồng vật nuôi bị ảnh hưởng	- Sức đề kháng của người già, trẻ em yếu, điều kiện cơ sở vật chất (điều hòa, quạt còn thiếu)	- Tư vấn chăm sóc sức khỏe cho người dân - Tăng cường sắm cơ sở vật chất để chống nóng

BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt		<p>An toàn cộng đồng</p> <p>- Có 1720 hộ, 6.653 người ở trong vùng thường ngập lụt.</p> <p>(Trường Niên 380 hộ, 1.493 người, Quyết Tiến 449 hộ, 1.713 người, Hàm Hòa 245 hộ, 880 người, Trần Xá 556 hộ, 2.252 người, Hà Kiên 90 hộ, 315 người)</p> <p>Trong đó:</p> <p>- Có 2.173 đối tượng dễ bị tổn thương (Trường Niên 393, Quyết Tiến 869, Hàm Hòa 300, Trần Xá 519, Hà Kiên 92)</p> <p>- Có 445 phụ nữ làm chủ hộ (Trường Niên 101, Quyết Tiến 65, Hàm Hòa 52, Trần Xá 210, Hà Kiên 17)</p> <p>- Có 675 người có nhà ở ven sông (Trường Niên 40, Quyết Tiến 90, Hàm Hòa 30, Trần Xá 200, Hà Kiên 315)</p> <p>- 65% người dân không biết bơi</p>	<p>An toàn cộng đồng</p> <p>- Có nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán (Trường Niên 50, Quyết Tiến 45, Hàm Hòa 28, Trần Xá 51, Hà Kiên 2)</p> <p>- Thôn có Ban PCTT thôn và có đội cứu hộ thôn,</p> <p>- Có 107 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt (Quyết Tiến 10, Trường Niên 10, Hàm Hòa 10, Trần Xá 7, Hà Kiên 70)</p> <p>- Có 56 hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà (Quyết Tiến 0, Trường Niên 30, Hàm Hòa 10, Trần Xá 15, Hà Kiên 1)</p> <p>35% người dân biết bơi</p> <p>15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi</p> <p>70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt</p>	<p>Thiệt hại về người</p> <p>lúa hư hại</p> <p>Dừa hàu hư</p> <p>Ngô giảm</p>

	<p>- 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi</p> <p>- 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai</p> <p>40% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời</p> <p>- 50 % gia đình chưa chủ động trong bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản</p> <p>- 10 % gia đình không có dự trữ lương thực trước mùa mưa bão</p> <p>Sản xuất kinh doanh</p> <p>368,5 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Quyết Tiến 91, Trường Niên 96, Hàm Hòa 97, Trần Xá 92, Hà Kiên 2,5)</p> <p>27 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Quyết Tiến 8, Trường Niên 6 ha, Hàm Hòa 8, Trần Xá 5)</p> <p>20,5 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Quyết Tiến 8, Trường Niên 4ha, Trần Xá 8, Hà Kiên 0,5)</p> <p>23,5 ha đất trồng đậu, lạc rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Quyết Tiến 8, Trường Niên 4ha, Hàm Hòa 1, Trần Xá 10, Hà Kiên.0,5)</p> <p>- Có 55% người dân chưa được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng trọt</p> <p>- Có 2,6 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố</p> <p>- 16km đường nội đồng chưa kiên cố (Hàm Hòa 9, Trần Xá 7)</p> <p>- Có 270 con trâu, bò được nuôi trong vùng bị ngập sâu. (Quyết Tiến 65, Trường Niên 55, Hàm Hòa 63, Trần Xá 42, Hà Kiên 45)</p> <p>90% hộ nuôi trâu bò đều không có nơi trú ẩn khi có lụt (nước ngập cao, trâu bò tự bơi)</p> <p>- Có 1.002 con lợn trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp (Quyết Tiến 300, Trường Niên 72, Hàm Hòa 30, Trần Xá 500, Hà Kiên 100.)</p> <p>- Có 11.400 con gia cầm nuôi trong vùng lụt (Quyết Tiến 2.700, Trường Niên 2300, Hàm Hòa 2.200, Trần Xá 2.600, Hà Kiên 1.600). 90% hộ nuôi gia cầm</p>	<p>60% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán</p> <p>- 50 % gia đình chủ động trong bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản</p> <p>- 90 % gia đình có dự trữ lương thực trước mùa mưa bão</p> <p>Sản xuất kinh doanh</p> <p>Có 2.340 lao động có kinh nghiệm sản xuất, (Quyết Tiến 600, Trường Niên 700, Hàm Hòa 300, Trần Xá 720, Hà Kiên 20)</p> <p>- Có 22 máy cày (Quyết Tiến 6, Trường Niên 6, Hàm Hòa 10, Trần Xá 8)</p> <p>- Có 6 máy gặt (Quyết Tiến 2, Trường Niên 2, Hàm Hòa 2, Trần Xá 2)</p> <p>- Có 45 % người dân được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng trọt</p> <p>- Có 2 km đê kiên cố (Trần Xá 2)</p> <p>- Có 2,9 km kênh mương thủy lợi kiên cố</p> <p>- Có 1 trạm bơm</p> <p>- Có 3 máy bơm nước (Trường Niên 1, Hàm Hòa 2)</p> <p>- Có 10% hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại ở vùng cao, khi lụt đưa trâu/bò lên (Hà Kiên)</p> <p>- Có 65 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (Quyết Tiến 50, Trường Niên 3, Hàm Hòa 2, Trần Xá 10)</p> <p>- Có 10% hộ chăn nuôi gà/vịt nhốt chuồng.</p> <p>- Có 3 trang trại chăn nuôi (Trường Niên 1, Hàm Hòa 2)</p>	<p>năng suất</p> <p>Hoa màu hư hại</p> <p>Kênh mương hư</p> <p>Đường nội đồng hư</p> <p>trâu bò chết/ trôi</p> <p>Lợn chết/ trôi</p> <p>Gà vịt chết/ trôi</p> <p>Cá tôm chết/ trôi</p> <p>Cá chết/trôi</p> <p>Lồng cá trôi</p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>đều thả rong, không nhốt chuồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 31,5 ha hồ nuôi tôm nước lợ ở vùng thường ngập sâu (Trường Niên.9, Hàm Hòa 19, Trần Xá 3,5) - Có 27 ha nuôi cá nước ngọt ở vùng thường ngập sâu (Trường Niên 3, Hàm Hòa 20, Trần Xá 2, Hà Kiên 2) - Có 9 lồng nuôi cá ở sông (Hàm Hòa 2, Trần Xá 2, Hà Kiên 5) - Có 73 thuyền nhỏ đánh cá trên sông (Quyết Tiến 8, Trần Xá 5, Hà Kiên 60) - Có 146 người đánh cá trên thuyền nhỏ (Quyết Tiến 16, Trần Xá 10, Hà Kiên 120). Trong đó 50% là nữ. - 40 % người dân chưa có các kiến thức KHKT về chăn nuôi - Có 20 cơ sở làm chổi đót ở trong vùng lụt (Hà Kiên) - Có 17 hộ nuôi ong trong vùng ngập lụt (Quyết Tiến 1, Hàm Hòa 1, Hà Kiên 15) - Có 1 cơ sở may ở vùng thường ngập (Hàm Hòa) - Có 17 cơ sở mộc ở vùng thường ngập sâu (Quyết Tiến 7, Trường Niên 5, Trần Xá 5) - Có 23 cơ sở xay xát ở vùng thường ngập sâu (Quyết Tiến 6, Trường Niên 5, Hàm Hòa 6, Trần Xá 6) - Có 8 hộ kinh doanh ăn uống ở vùng ngập lụt (Quyết Tiến 2, Trường Niên 2, Hàm Hòa 1, Trần Xá 3) - Có 1 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán thấp (Quyết Tiến 14, Trường Niên 5, Hàm Hòa 10, Trần Xá 25, Hà Kiên 3) <p style="text-align: center;">Sức khỏe, vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90 % hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình - 10% hộ chưa có nguồn nước tại nhà - Có 35 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm (Quyết Tiến 15, Trường Niên 10, Hàm Hòa 1, Trần Xá 5, Hà Kiên 4) - 30 % người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường 	<p>100% hộ nuôi tôm có các phương tiện nuôi dạng công nghiệp</p> <p>100% người đánh cá có kinh nghiệm sông nước và biết bơi</p> <p>60% người dân có các kiến thức KHKT về chăn nuôi</p> <p>Có 1 cơ sở may ở vùng thường ngập có cơ sở cao (Hàm Hòa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 7 cơ sở mộc ở vùng ngập sâu có cơ sở cao (Trường Niên) - Có 13 cơ sở xay xát ở vùng ngập sâu có cơ sở cao (Trường Niên 6, Hàm Hòa 7) - Có 3 hộ kinh doanh ăn uống ở vùng ngập lụt có nhà cao (Trường Niên 2, Hàm Hòa 1) - Có 6 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán kiên cố, cao (Trần Xá 4, Hà Kiên 2) <p>3. Sức khỏe, vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình - 90 % hộ sử dụng nguồn nước tại nhà - Có 1744 hộ sử dụng hồ xí hợp vệ sinh (Quyết Tiến 434, Trường Niên 360, Hàm Hòa 244, Trần Xá 551, Hà Kiên 155) - Có 7 đội thu gom rác (Quyết Tiến 1, Trường Niên 2, Hàm Hòa 1, Trần Xá 2, Hà Kiên 1) 	<p>Thuyền hư hại</p> <p>Chổi đót hư</p> <p>Hư hại dụng cụ nuôi ong</p> <p>Hư hại đồ may mặc</p> <p>Hư hại máy móc/ ướn lúa</p> <p>Hàng hóa hư hại</p> <p>Ô nhiễm môi trường Dịch bệnh</p>
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			- 70 % người dân có ý thức bảo vệ môi trường	
Bão/lốc		<p>An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 phòng học trường Mầm non bán kiên cố - 5 Nhà văn hóa thôn bán kiên cố (Quyết Tiến 1, Trường Niên 1, Hàm Hòa 1, Trần Xá 1, Hà Kiên 1) - Trạm y tế có 5 phòng bán kiên cố - Nhà đơn sơ 15 nhà (Quyết Tiến 10, Trường Niên 1, Hàm Hòa 1, Trần Xá 1, Hà Kiên 2) - Nhà thiếu kiên cố 99 (Quyết Tiến 40, Trường Niên 25, Hàm Hòa 20, Trần Xá 9, Hà Kiên 5) Nhà bán kiên cố 1.011 (Quyết Tiến 200, Trường Niên 292, Hàm Hòa 150, Trần Xá 300, Hà Kiên 69) - Có 1789 hộ, 6898 người ở trong vùng tác động của bão (Quyết Tiến 449 hộ, 1.713 người, Trường Niên 380 hộ, 1.493 người, Hàm Hòa 245 hộ, 880 người, Trần Xá 556 hộ, 2.252 người, Hà Kiên 159 hộ, 560 người). Trong đó - 4.154 người ở trong 1.125 nhà không an toàn trong bão (Quyết Tiến 950 người ở trong 250 nhà, Trường Niên 1.100 người ở trong 318 nhà, Hàm Hòa 598 người ở trong 171 nhà, Trần Xá 1.240 người ở trong 310 nhà, Hà Kiên 266 người ở trong 76 nhà) - Có 5% người dân không nghe được các thông tin cảnh báo bão, lũ từ loa truyền thanh xã/ - 25% người dân chưa có kiến thức về phòng chống bão - Có 40% hộ gia đình chưa chủ động chằng chống nhà cửa <p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 170 ha đất cây rừng ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Quyết Tiến 58, Trần Xá 45, Hà Kiên 67) - Có 15 ha đất cây rừng ngập mặn ven sông ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Quyết Tiến 4, Trường Niên 5, Trần Xá 3, Hà Kiên 3) - Có 3 cơ sở may có cơ sở chưa được 	<p>An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> 8 phòng học trường Mầm non, 32 phòng học trường Tiểu học kiên cố, 20 phòng học trường THCS kiên cố - Trạm Y tế có 10 phòng kiên cố - Nhà kiên cố : 443 nhà (Quyết Tiến 100, Trường Niên 105, Hàm Hòa 50, Trần Xá 150, Hà Kiên 38) - Có 86 điểm sơ tán tập trung (Quyết Tiến 6, Trường Niên 50, Hàm Hòa 28, Trần Xá 2, Hà Kiên 3) - Có 95% hộ có các phương tiện nghe nhìn để theo dõi các thông tin cảnh báo bão, lũ - Có 95% người dân nghe được các thông tin cảnh báo bão, lũ từ loa truyền thanh xã/thôn - 75% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão - Có 60% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa <p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> Các hộ kinh doanh, dịch vụ đều do tư nhân quản lý, có kinh nghiệm trong phòng, chống bão, bảo vệ cơ sở và tài sản - Có 5 hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố (Trần Xá 4, Hà Kiên 1) 	<p>Trường hư hại</p> <p>NVH thôn hư hại</p> <p>Trạm y tế hư hại</p> <p>Nhà sập</p> <p>Nhà bị tóc mái</p> <p>Thiệt hại về người</p> <p>Cây rừng gãy đổ</p> <p>Hư hại cơ sở</p>

	<p>kiên cố (Trần Xá 3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 9 cơ sở mộc có cơ sở chưa được kiên cố (Trường Niên 5, Trần Xá 4) - Có 16 cơ sở xây xát có cơ sở chưa được kiên cố (Trường Niên 5, Hàm Hòa 6, Trần Xá 5) - Có 3 cửa hàng ăn uống chưa được kiên cố (Quyết Tiến 2, Hàm Hòa 1) - Có 21 hộ buôn bán cơ sở mua bán chưa được kiên cố (Quyết Tiến 14, Trường Niên 5, Hàm Hòa 10, Trần Xá 21, Hà Kiên 1) <p style="text-align: center;">Sức khỏe, vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90 % hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình - 10% hộ chưa có nguồn nước tại nhà - Có 35 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm (Quyết Tiến 15, Trường Niên 10, Hàm Hòa 1, Trần Xá 5, Hà Kiên 4) - 30 % người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường 	<p style="text-align: center;">Sức khỏe, vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 % hộ có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình - 90 % hộ sử dụng nguồn nước tại nhà - Có 1744 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh (Quyết Tiến 434, Trường Niên 360, Hàm Hòa 244, Trần Xá 551, Hà Kiên 155) - Có 7 đội thu gom rác (Quyết Tiến 1, Trường Niên 2, Hàm Hòa 1, Trần Xá 2, Hà Kiên 1) - 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường 	<p>Ô nhiễm môi trường</p> <p>Dịch bệnh</p>
Rét	<p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - 368,5 ha đất trồng lúa ở vùng bị tác động của rét (Quyết Tiến 91, Trường Niên 96, Hàm Hòa 97, Trần Xá 92, Hà Kiên 2,5) - Có 270 con trâu, bò được nuôi trong vùng chịu tác động của rét. (Quyết Tiến 65, Trường Niên 55, Hàm Hòa 63, Trần Xá 42, Hà Kiên 45) - 50% chuồng trại chưa được kín 	<p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> 50 % người dân có kinh nghiệm trong phòng, chống rét cho cây lúa 50% chuồng trại được che kín khi mùa đông về 50% người dân áp dụng các biện pháp dân gian (kinh nghiệm) để chống rét cho trâu bò 	<p>Lúa chết</p> <p>Trâu bò chết</p>
Hạn	<p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - 36,5 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị hạn (Trường Niên 30, Hàm Hòa 4, Hà Kiên 2,5) - 6,5 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường xuyên bị hạn (Trường Niên 2,5, Hàm Hòa 4) - 4,5 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị hạn (Trường Niên 4, Hà Kiên 0,5) 	<p>Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 máy bơm nước (Trường Niên 1, Hàm Hòa 2) - Có 10,3 km kênh mương thủy lợi (Trường Niên 2,5; Hàm Hòa 3,3; Trần Xá 4,5) Hồ Rào Đá của huyện cung cấp nước tưới cho 2 xã Duy Ninh, Hàm Ninh 	<p>Lúa chết</p> <p>Dưa hư</p> <p>Ngô giảm</p>

		- 4,5 ha đất trồng đậu, lạc rau màu ở vùng thường xuyên bị hạn (Trường Niên 4, Hà Kiên 0,5)	năng suất Hoa màu hư hại
Sạt lở đất bờ sông		Sản xuất kinh doanh 4 km đất bị sạt lở (Trường Niên 4)	Mất đất
Mưa nhiều		Sản xuất kinh doanh 27 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường xuyên bị mưa làm hư hại (Quyết Tiến 8, Trường Niên 6, Hàm Hòa 8, Trần Xá 5) 20,5 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị mưa làm hư hại (Quyết Tiến 8, Trường Niên 4, Trần Xá 8, Hà Kiên 0,5)	Dưa hư Ngô giảm năng suất

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá





F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai ¹

1. Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Việc đánh giá rủi ro thiên tai² bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- i. nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- ii. phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- iii. phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- iv. đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau³;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁴. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đã phân tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.

Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

2. Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁵: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương

¹ Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

² Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

³ Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

⁴ Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁵ Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chính sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng

cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.